

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt⁵:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

<i>Nội dung yêu cầu</i>	<i>Mức độ đáp ứng</i>	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:		
Bảng kê vật tư cho công trình được quy định tại chương V – Yêu cầu về kỹ thuật	Có bảng kê vật tư cho công trình có chủng loại, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đầy đủ theo danh mục.	Đạt
	Không liệt kê các loại vật tư so với yêu cầu của E-HSMT hoặc có liệt kê nhưng còn thiếu ≥ 1 loại vật tư so với yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
Đối với các vật tư, vật liệu chính: Quy định tại chương V – Yêu cầu về kỹ thuật	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp ghi rõ cấp cho công trình đầy đủ các loại vật liệu.	Đạt
	Có ≥ 1 vật tư không có hợp đồng nguyên tắc.	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật:		
2.1 Tổ chức mặt bằng công trường (bao gồm thuyết minh và bản vẽ): thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, thông tin liên lạc, bố trí biển báo...	Có thuyết minh và bản vẽ đầy đủ.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ hoặc thiếu 01 thuyết minh trở lên hoặc thiếu 01 bản vẽ trở lên.	Không đạt
2.2 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên phù hợp.	Đạt

⁵ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

<i>Nội dung yêu cầu</i>	<i>Mức độ đáp ứng</i>	
	Không có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không có thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công:		
<p>3.1 Các biện pháp thi công các công tác chính:</p> <p>Công tác dọn dẹp mặt bằng</p> <p>Công tác vận chuyển đá – sỏi</p> <p>Công tác đắp nền- móng công trình.</p> <p>Công tác cắt khe mặt đường bê tông</p> <p>Công tác Bê tông mặt đường.</p> <p>Công tác lắp đặt ống nhựa PVC</p> <p>Công tác thi công xây dựng hồ thu.</p> <p>Công tác vệ sinh hoàn thiện – bàn giao.</p>	Có thuyết minh trình bày đầy đủ, chi tiết các biện pháp thi công khả thi, có hợp đồng đổ thải với đơn vị có giấy phép đổ thải, bãi thải phải có giấy phép hợp lệ, có bản vẽ biện pháp thi công đầy đủ, hợp lý.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
3.2 Bố trí điện, nước phục vụ thi công	Có thuyết minh phù hợp	Đạt
	Không có thuyết minh	Không đạt
4. Tiến độ thi công:		
4.1 Thời gian thi công: không quá 60 ngày (kể cả ngày nghỉ và ngày lễ).	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 60 ngày.	Không đạt
4.2 Tính phù hợp: Có biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp với tiến độ thi công và với nhân sự đề xuất	Có các biểu đồ như yêu cầu thể hiện được tính hợp lý, khả thi.	Đạt
Biểu đồ huy động máy móc thiết bị và biểu đồ huy động vật tư vật liệu phục vụ thi công	Không có biểu đồ hoặc có biểu đồ nhưng không hợp lý, không khả thi.	Không đạt
4.3 Biểu tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu	Có Biểu tiến độ thi công chi tiết.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công.	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:		
5.1 Sơ đồ Quy trình quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng	<p>- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý.</p> <p>- Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.</p>	Đạt

<i>Nội dung yêu cầu</i>	<i>Mức độ đáp ứng</i>	
	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Không có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng. 	Không đạt
5.2 Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công chính	Có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công hoặc Không có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công.	Không đạt
5.3 Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
6.1 An toàn lao động	Có biện pháp an toàn lao động.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động.	Không đạt
6.2 Phòng cháy, chữa cháy	Có biện phòng cháy, chữa cháy.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy.	Không đạt
6.3 Vệ sinh môi trường	<p>Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường. Có đề xuất vị trí điểm tập kết, trạm trung chuyển và cơ sở xử lý chất thải rắn phù hợp quy hoạch xây dựng và quy hoạch quản lý chất thải rắn.</p> <p>Giấy cam kết cung cấp (hoặc hợp đồng nguyên tắc) của Chủ thu gom, vận chuyển để thu gom, vận chuyển và chủ xử lý chất thải rắn.</p> <p>Chủ thu gom, vận chuyển đảm bảo các trách nhiệm và các yêu cầu phù hợp với gói thầu theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.</p>	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên.	Không đạt
7. Bảo hành:		

<i>Nội dung yêu cầu</i>	<i>Mức độ đáp ứng</i>	
Đề xuất thời gian bảo hành	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
8. Các yếu tố cần thiết khác		
Uy tín nhà thầu	<p>Nhà thầu cam kết:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nhà thầu cam kết không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận cấm hoạt động trong thời gian tổ chức đấu thầu. Nhà thầu không vị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể. 2. Nhà thầu đáp ứng bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu được quy định . 3. Nhà thầu đáp ứng uy tín với Chủ đầu tư về việc tham gia thực hiện các gói thầu thi công xây lắp đã hoàn thành. 4. Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm và bồi thường toàn bộ thiệt hại nếu xảy ra sự cố (do chủ quan của nhà thầu trong quá trình thi công gây ra) cho các công trình lân cận và công trình ngầm. 5. Nhà thầu cam kết những nhân sự chủ chốt nhà thầu đề xuất trong HSDT sẵn sàng huy động cho gói thầu trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng và không trùng với thời gian thực hiện gói thầu khác. 6. Nhà thầu cam kết những thiết bị thi công đã kê khai có sẵn để huy động cho gói thầu và không huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. 7. Nhà thầu cam kết Có cam kết Vật liệu phế thải sẽ được di dời ngay sau khi thi công xong từng đợt và đổ đúng nơi quy định . Cam kết trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng: cam kết giảm thiểu tác động tới môi trường không khí; môi trường nước; tác động do chất thải rắn. Cam kết trong giai đoạn xây dựng các hạng mục công trình: cam kết đạt tiêu chuẩn – quy chuẩn môi trường; cam kết thực hiện các 	Đạt

<i>Nội dung yêu cầu</i>	<i>Mức độ đáp ứng</i>
	<p>biện pháp giảm thiểu tác động do các hoạt động trong giai đoạn xây dựng gây ra. Cam kết khác: thực hiện nghiêm chỉnh Luật bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có bất kỳ hành vi vi phạm nào về các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án này; thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung, biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu các tác động đến môi trường và bảo vệ môi trường đã trình bày ở các phần trên.</p> <p>8. Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>9. Nhà thầu cam kết không có gói thầu được mời thương thảo hợp đồng nhưng không tiến hành thương thảo hợp đồng hoặc có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng.</p> <p>10. Nhà thầu cam kết không có hợp đồng tương tự trước đó mà nhà thầu không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.</p> <p>11. Nhà thầu cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có các thông tin do nhà thầu kê khai trong hồ sơ dự thầu không đúng sự thật.</p> <p>12. Nhà thầu không bị chủ đầu tư kết luận : Không thương thảo hợp đồng, có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Hoặc không có hợp đồng nào bỏ dở; hoặc không vi phạm luật về đấu thầu theo quy định của pháp luật.</p> <p>13. Nhà thầu không có hợp đồng nào chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu trong vòng 3 năm trở lại đây, tính từ ngày 1/1/2022 đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>14. Cam kết chưa từng vi phạm một trong các hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu theo Điều 16 Luật Đấu thầu. (Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu trên)</p> <p>15. Cam kết: không có hợp đồng bị chủ đầu tư/cơ quan có thẩm quyền kết</p>

<i>Nội dung yêu cầu</i>		<i>Mức độ đáp ứng</i>	
		luận là không đạt hoặc vi phạm về chất lượng. (Trường hợp liên danh: Từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu trên). 16. Cam kết thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót. Trong thời gian ≤ 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư, trong thời gian bảo hành	
		Không đáp ứng	Không đạt
<i>Kết luận</i>	Có tất cả các nội dung yêu cầu được đánh giá là “ đạt ” hoặc “ chấp nhận được ”		Đạt
	Có ≥ 01 nội dung yêu cầu được đánh giá là “ không đạt ”		Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất⁶:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phân chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không

⁶ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng loại hợp đồng trọn gói)	Webform	X	
2	Mẫu số 01B. Bảng khối lượng công việc mời thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá cố định)		X	
3	Mẫu số 01C. Bảng khối lượng công việc mời thầu (áp dụng hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)		X	
4	Mẫu số 01D. Bảng khối lượng công việc mời thầu (áp dụng hợp đồng theo kết quả đầu ra)		X	
5	Mẫu số 01E. Bảng kê hạng mục công việc (áp dụng hợp đồng hỗn hợp)		X	
6	Mẫu số 01F. Bảng tiến độ thực hiện		X	
7	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
8	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
9	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
10	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
11	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Webform		X
12	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
13	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
14	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
15	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị thi công chủ yếu			X